

A photograph of industrial piping and valves, likely from a refinery or chemical plant. The pipes are made of polished metal, possibly stainless steel, and are connected by various valves and fittings. The background shows a clear blue sky. The image is positioned on the left side of the page, partially overlapping the blue background.

TUNG LUNG VALVE CORP

Tung Lung là thương hiệu van công nghiệp uy tín đến từ Đài Loan, được thành lập từ năm 1977 với hơn 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các loại van dùng cho hệ thống hơi, nước, khí nén, dầu và nhiều ứng dụng công nghiệp khác.

Với triết lý hoạt động dựa trên 4 giá trị cốt lõi:

“Chính trực – Công nghệ – Chất lượng – Dịch vụ”

Tung Lung đã từng bước khẳng định vị thế tại thị trường quốc tế, đặc biệt là ở Việt Nam, nơi chiếm hơn 66% lượng hàng xuất khẩu toàn cầu của hãng.

Danh mục sản phẩm của Tung Lung bao gồm:

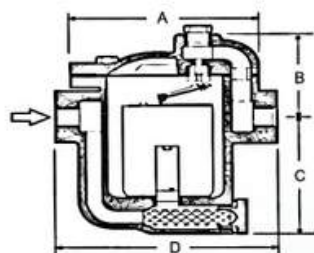
- Van giảm áp, van an toàn
- Van bi, van bướm, van cổng, van một chiều
- Bẫy hơi, kính quan sát, lọc Y

Các sản phẩm nổi bật nhờ độ bền cao, vận hành ổn định, dễ bảo trì và giá thành hợp lý, trở thành lựa chọn tin cậy cho các công trình M&E, hệ thống nhà máy, khu công nghiệp và xử lý nhiệt.



BẦY HƠI GẦU ĐÀO TL-64

- **Thân gang:** CAST IRON / DUCTILE IRON
- **Size:** 1/2" đến 2"
- **Chịu áp:** Max 16 bar
- **Kết nối:** Mặt bích DIN PN16



Screwed Ends

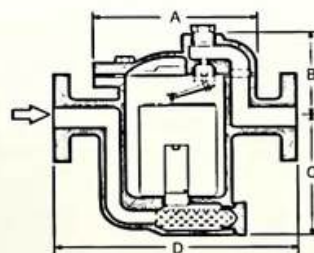


Dimensions

UNIT : M/M

TRAP NO	CONN.SE.*	A	B	C	D	MOP	WT
981	15 . 20 . 25	96	76	100	128	17	2.8
982	20 . 25	145	96	137	170	17	7.0
983	25 . 32	180	121	193	202	17	14.0
984	32 . 40	203	150	212	232	17	23.0
985	40 . 50	220	148	248	250	17	26.0
986	50	275	214	242	302	17	42.0

** GZ, NPT, PT, BSPT available



Flange Ends

Dimensions

UNIT : M/M

TRAP NO	CONN.FE.	A	B	C	D	MOP	WT
991	15 . 20 . 25	96	76	100	170	17	5
992	20 . 25	145	94	137	218	17	10
993	25	180	121	193	253	17	18
994	32 . 40	203	150	212	279	17	27
995	40 . 50	220	148	248	304	17	29
996	50 . 65 . 80	275	214	242	374	17	45

Flange made to JIS-10K or ANSI-150°RF other flange SPEC. please consult factory.

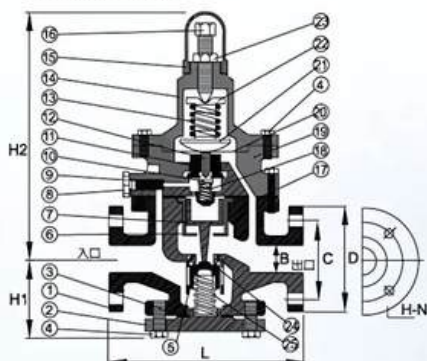


VAN GIẢM ÁP HƠI GANG MẶT BÍCH – TL12

- **Thân gang:** CAST IRON / DUCTILE IRON
- **Size:** 1/2" đến 6"
- **Chịu áp:** Max 10 bar
- **Kết nối:** Mặt bích DIN PN16

Working Condition

- Working pressure: 1-10 kg/cm²
- Working temperature: 200°C
- Medium: Steam



Material list

NO	Parts name	TL-12	TL-12SS	NO	Parts name	TL-12	TL-12SS
1	Main body	Cast Iron	SUS 304	14	Top cover	Cast Iron	SUS 304
2	Bottom cover	Cast Iron	SUS 304	15	Top cap	Cast Iron	SUS 304
3	Gasket	Asbestos	Asbestos	16	Adjusting screw	SS41	SUS 304
4	Bolt	SS 41	SUS 304	17	Middle packing	Asbestos	Asbestos
5	Valve seat	CF8	CF8	18	Setral spring	SUS 304	SUS 304
6	Cylinder	CF8	CF8	19	Transit body	Cast Iron	SUS 304
7	Piston	CF8	CF8	20	Diaphragm disc	AIS-301	AIS-301
8	Strainer plug	SS 41	SUS 304	21	Spring knob	SS 41	SS 41
9	Screen	S.S.304	SUS 304	22	Spring holder	SS 41	SS 41
10	Spring knob	SUS 304	SUS 304	23	Positoning nut	SS 41	SUS304
11	Pin guide	SUS 304	SUS 304	24	Gasket	PTFE	PTFE
12	Floating pln	SUS 304	SUS 304	25	Lower spring	SUP-6	SUP-6
13	Upper spring	SUP-6	SUP-6				

JIS-10K Dimensions

MM	INCH	L		D	C	B	H1	H2	H	N	KG
		C.I.	CF8								
15A	1/2"	155	158	95	70	15	74	260	15	4	10
20A	3/4"	155	158	100	75	20	74	260	15	4	10.5
25A	1"		165	125	90	25	74	260	19	4	11
32A	1 1/4"		195	135	100	32	99	280	19	4	16
40A	1 1/2"		195	140	105	40	99	280	19	4	17
50A	2"		225	155	120	50	116	310	19	4	24
65A	2 1/2"		250	175	140	65	125	322	19	4	31
80A	3"		290	185	150	80	135	325	19	8	37
100A	4"		330	210	175	100	153	370	19	8	50
125A	5"		410	250	210	125	195	540	23	8	98
150A	6"		410	280	240	150	195	540	23	8	105

UNIT : M/M

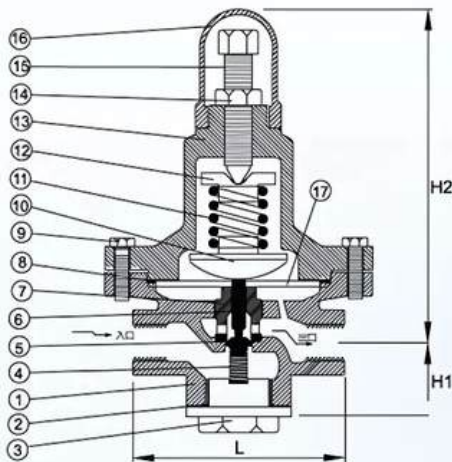


VAN GIẢM ÁP HƠI GANG REN – TL15

- **Thân gang:** CAST IRON / DUCTILE IRON
- **Size:** 1/2" đến 2"
- **Chịu áp:** Max 10 bar
- **Kết nối:** Ren

Working Condition

- I.P.: 3~10kg/cm², O.P.: 1~4kg/cm²
- Working temperature: 200°C
- Medium: Steam



Material list

NO	Parts name	TL-15	TL-15SS	NO	Parts name	TL-15	TL-15SS
1	Body	Cast Iron	CF8	10	Spring knob	SS41	SS41
2	Gasket	Asbestos	Asbestos	11	Top spring	SUP-6	SUP-6
3	Bottom plug	Cast Iron	CF8	12	Spring holder	SS41	SS41
4	Bottom spring	SUP-6	SUP-6	13	Top cover	Cast Iron	CF8
5	Spring knob	PTFE	PTFE	14	Positioning nut	SS41	CF8
6	Stem	CF8	CF8	15	Adjusting screw	SS41	CF8
7	Stem guide	CF8	CF8	16	Top cap	Cast Iron	CF8
8	Gasket	Asbestos	Asbestos	17	Diaphragm disc	AIS-301	AIS-301
9	Bolt	SS41	CF8				

Dimensions

MM	INCH	L	H1	H2	KG
15	1/2"	95	55	185	4
20	3/4"	95	55	185	4.2
25	1"	95	55	185	4.4
32	1 1/4"	130	72	205	6.5
40	1 1/2"	130	72	205	7
50	2"	168	90	260	13



BẦY HƠI ĐỒNG TIỀN TL-63

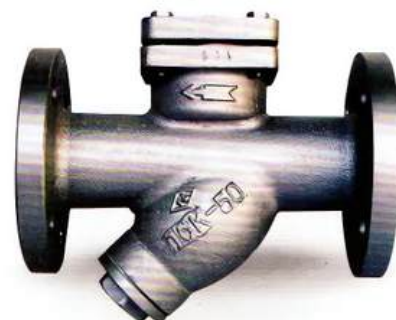
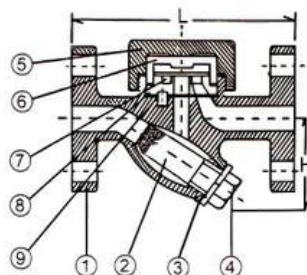
- **Thân gang:** CAST IRON / DUCTILE IRON
- **Size:** 1/2" đến 2"
- **Chịu áp:** Max 16 bar
- **Kết nối:** Ren



TL-62

Steam Trap Flanged Ends

- Material: Cast Iron
- Size: 1/2"~2"



Material list

NO	Parts name	Material
1	Body	Cast Iron
2	Screen	SUS 304
3	Gasket	Asbestos
4	Nut	Cast Iron
5	Body cap	Cast Iron
6	Nut	Cast Iron
7	Washer	AISI 420
8	Disc	SUS 304
9	Parking	Asbestos

Dimensions

		UNIT : M/M		
MM	INCH	L	H	KG
15	1/2"	145	68	3
20	3/4"	160	75	3.6
25	1"	170	87	5
32	1 1/4"	205	110	8.6
40	1 1/2"	205	110	9
50	2"	240	115	11

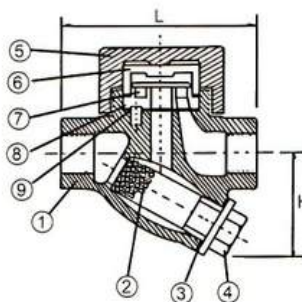
TL-63

Steam Trap Screwed Ends

- Material: Cast Iron
- Size: 1/2"~2"

Material list

NO	Parts name	Material
1	Body	Cast Iron
2	Screen	SUS 304
3	Gasket	Asbestos
4	Nut	Cast Iron
5	Body cap	Cast Iron
6	Nut	Cast Iron
7	Washer	AISI 420
8	Disc	SUS 304
9	Parking	Asbestos



Dimensions

		UNIT : M/M		
MM	INCH	L	H	KG
15	1/2"	98	68	2
20	3/4"	105	75	2.4
25	1"	115	88	3
32	1 1/4"	173	115	5.5
40	1 1/2"	173	115	5.7
50	2"	203	120	7.5

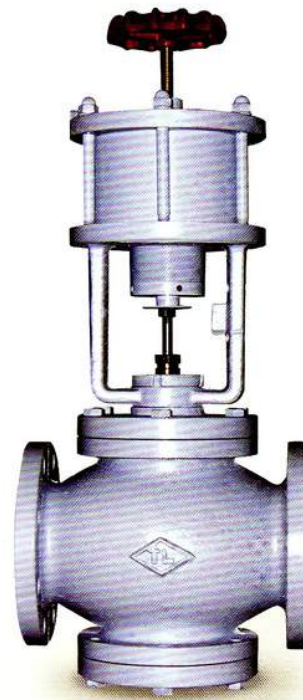
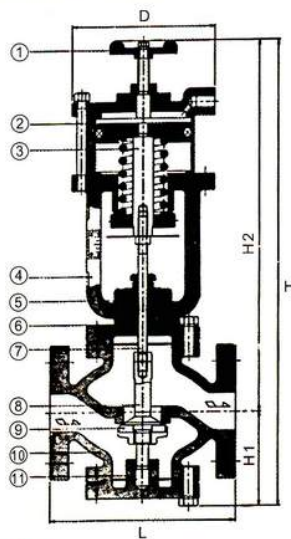


VAN DÙ KHÍ NÉN TL-51

- **Thân gang:** CAST IRON / DUCTILE IRON
- **Size:** 3/4" đến 4"
- **Chịu áp:** 3 - 5 kg/cm²
- **Kết nối:** Mặt bích JIS10K

Cylinder-type Control Valve

- **Service:**
For Steam, Air, Water, Oil and other fluids
Operating air pressure: 3-5 kg/cm²g
- **Remark:**
Up 4" are double acting cylinder actuator.
Connection rating JIS 10K



Material list

NO	Parts name	FC 250	SUS 304
1	Handle wheel	FC 250	FC 250
2	Cylinder	STKM 13C	STKM 13C
3	Actuator stem	SS41	SS41
4	Yoke	FC 250	FC 250
5	V-packing	TEFLON	TEFLON
6	Bonnet	FC 250	SUS 304
7	Plug stem	SUS 304	SUS 304
8	Plug	SUS 304	SUS 304
9	Sealing ring	TEFLON	TEFLON
10	Body	FC 250	SUS 304
11	Bottom flange	FC 250	SUS 304

JIS-10K Dimensions

MM	INCH	L	H1	H2	H	D
20	3/4"	160	90	320	410	120
25	1"	160	90	320	410	120
32	1 1/4"	160	90	320	410	120
40	1 1/2"	190	100	400	500	150
		200				
50	2"	210	108	412	520	150
		220				
65	2 1/2"	230	120	440	560	175
80	3"	260	130	450	580	175
100	4"	280	145	515	660	205

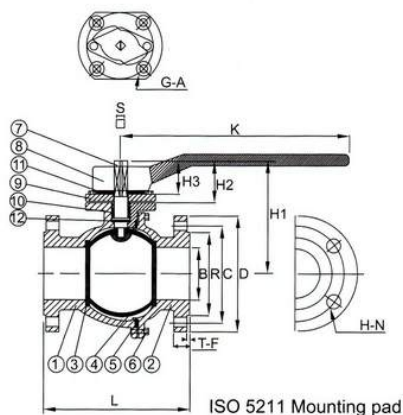


VAN BI GANG NỔ BÍCH TL-22

- **Thân gang:** CAST IRON / DUCTILE IRON
- **Size:** 1/2" đến 12"
- **Chịu áp:** 10 kg/cm²
- **Kết nối:** Mặt bích JIS10K

2-PC Ball Valve Full Port Flanged Ends

- Material: Cast Iron / Carbon Steel / Stainless Steel CF8 / CF8M
- Size: 1/2"~12"



Working Condition

- Working pressure: 10 kg/cm²
- Working temperature: 100°C

Material list

NO	Description	Material			
1	Body	Cast Iron	WCB	CF8	CF8M
2	Body cap	Cast Iron	WCB	CF8	CF8M
3	Seat	TEFLON	TEFLON	TEFLON	TEFLON
4	Ball	SUS 304	SUS 304	SUS 304	SUS 316
5	Joint gasket	TEFLON	TEFLON	TEFLON	TEFLON
6	Gland bolt	SS 41	SS 41	SUS 304	SUS 304
7	Stem	SUS 304	SUS 304	SUS 304	SUS 304
8	Handle	Cast Iron	Cast Iron	Cast Iron	Cast Iron
9	Gland flanged	Cast Iron	Cast Iron	SUS 304	SUS 304
10	Gland packing	TEFLON	TEFLON	TEFLON	TEFLON
11	Travel stopper	SS 41	SS 41	SUS 304	SUS 304
12	Gasket	TEFLON	TEFLON	TEFLON	TEFLON

JIS-10K Dimensions

UNIT : MM

MM	INCH	L	D	C	B	T	R	F	H	N	K	H1	H2	H3	S	A	G	KG	
																		C.I.	304
DN15	1/2"	110	95	70	16	12	52	1	15	4	175	84	34	22	12	M6	50	3.1	2.9
DN20	3/4"	120	100	75	20	14	58	1	15	4	175	84	34	22	12	M6	50	3.6	3.6
DN25	1"	130	125	90	25	14	70	1	19	4	175	84	34	22	12	M6	50	4.6	4.8
DN32	1 1/4"	140	135	100	32	16	80	2	19	4	175	91	35	22	12	M6	50	6	6
DN40	1 1/2"	165	140	105	40	16	85	2	19	4	230	115	50	33	16	M6	50	8	7.6
DN50	2"	180	155	120	50	16	100	2	19	4	230	120	50	33	16	M8	70	10	10
DN65	2 1/2"	190	175	140	64	18	120	2	19	4	330	140	53	35	19.5	M8	70	15.1	13.6
DN80	3"	200	185	150	78	18	130	2	19	8	330	153	53	35	19.5	M8	70	18.1	16.1
DN100	4"	230	210	175	98	18	155	2	19	8	330	171	53	35	19.5	M10	102	24.6	23.1
DN125	5"	300	250	210	124	20	185	2	23	8	700	227	73	45	25	M12	125	44	41
DN150	6"	340	280	240	150	22	215	2	23	8	700	230	73	45	25	M12	125	66	53.5
DN200	8"	450	330	290	200	22	265	2	23	12	700	297	73	50	25	M12	125	100	91.5
DN250	10"	530	400	355	250	24	325	2	25	12	800	340	85	55	35	M16	140	147	173
DN300	12"	620	445	400	300	24	370	3	25	16	800	382	100	70	35	M16	140	242	217

** Remark: Cast Iron Size from 1/2"-4" without ISO-5211 Mounting pad.



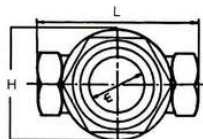
KÍNH QUAN SÁT GANG TL-40

- **Thân gang:** CAST IRON / DUCTILE IRON
- **Size:** 1/2" đến 2"
- **Chịu áp:** Max 10 kg/cm²
- **Kết nối:** Ren

TL-40

Sight Glass Screwed Ends

- Materials: Cast Iron / CF8
- Size: 1/2"~2"



Material list

Parts name	Material
Body	Cast Iron / SUS 304
Main part	SUS 304
W.P.	0.35-7 Kg/cm ²
W.T.	100°C

Dimensions

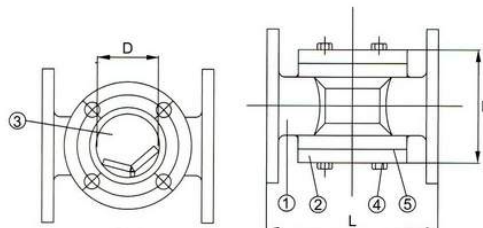
INCH	L	E	H	KG
1/2"	75	22	62	0.6
3/4"	90	30	70	0.8
1"	90	30	80	1.1
1 1/4"	120	42	108	2.2
1 1/2"	120	42	108	2.2
2"	140	53	118	2.9

** Usage scope: steam, general liquid

TL-41

Sight Glass Flanged Ends

- Material: Cast Iron / CF8 / CF8M
- Size: 1/2"~6"



Material list

NO	Parts name	Material		
1	Body	Cast Iron	SUS 304	SUS 316
2	Cap	Cast Iron	SUS 304	SUS 316
3	Glass	Tempered glass		
4	Bolt	SS 41	SUS 304	SUS 304
5	Packing	TV 1500	PTFE	PTFE
W.P.		0.35-8 Kg/cm ²		
W.T.		100°C		

JIS-10K/ANSI-150LB Dimensions

INCH	L	H	D	10K / KG		150LB / KG	
				304	C.I.	304	C.I.
1/2"	130	75	30	2.6	3	2.6	3
3/4"	140	85	30	3	3.5	3	3.5
1"	160	85	30	4	5	3.5	5
1 1/4"	180	95	50	5	7.2	5.5	7.2
1 1/2"	190	105	50	6.5	7.3	6.3	7.3
2"	220	115	50	7.5	7.3	7.5	8.7
2 1/2"	260	163	70	10	14	10.4	14
3"	270	170	80	14	16	16	15.5
4"	320	195	100	21.5	22	23	23
5"	370	240	125	36.3	33	38	38
6"	412	270	150	43	40.3	43	44

UNIT : M/M

DIN3202 PN16-F1 Dimensions

INCH	L	H	D	KG	
				304	C.I.
1/2"	130	75	30	3	3.2
3/4"	150	85	30	3.3	3.8
1"	160	85	30	4	5
1 1/4"	180	95	50	5.8	7.4
1 1/2"	200	105	50	7	8
2"	230	115	50	9	9
2 1/2"	290	163	70	14	15
3"	310	170	80	15	17
4"	350	195	100	21	22
5"	370	240	125	37	37
6"	412	270	150	46	45

UNIT : M/M



Công ty TNHH Thép Bảo Tín
Bao Tin Steel Co., Ltd

BAO TIN STEEL CO., LTD

THÉP BẢO TÍN

NHÀ PHÂN PHỐI CÁC SẢN PHẨM VAN ARITA CHÍNH HÃNG



Nhập khẩu và cung cấp
chuyên nghiệp các sản phẩm về thép
Professional import and supply of steel products



Thành lập từ năm 2012, trải qua nhiều năm xây dựng và phát triển, Thép Bảo Tín đã trở thành một trong những nhà cung cấp các sản phẩm về thép và phụ kiện nối ống thép hàng đầu tại Việt Nam, Campuchia. Thép Bảo Tín luôn xây dựng thương hiệu BTS bằng sự uy tín tuyệt đối, phong cách phục vụ khách hàng chuyên nghiệp, tốc độ cao. Luôn chú trọng đầu tư hệ thống quản lý và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ nhân sự để ngày càng phát triển vị thế và hình ảnh của mình trên thị trường thép Việt Nam và khu vực.

Chúng tôi luôn mong muốn được phục vụ Quý khách hàng tốt nhất có thể bằng tất cả sự nhiệt huyết và đam mê của mình, để Thép Bảo Tín sẽ trở thành lựa chọn hàng đầu của Quý vị khi có nhu cầu sử dụng các sản phẩm về thép, phụ kiện mà chúng tôi đang cung cấp.

Established in 2012, through many years of construction and development, Bao Tin Steel has become one of the leading suppliers of steel products and steel pipe fittings in Vietnam and Cambodia. Bao Tin Steel has always built the BTS Brand with prestige and professional customer service, and high speed. Always focus on investing in the management system and constantly improve the staff's professional qualifications to develop further its position and image in the steel market in Vietnam and the region.

We always want to serve our customers the best we can with all our enthusiasm and passion, so Bao Tin Steel will become your first choice when we need to use our products. I, about steel, accessories that we are providing.

CÁC DỰ ÁN ĐÃ CUNG CẤP VẬT TƯ

PROJECTS THAT HAVE PROVIDED MATERIALS

- **TRỤ SỞ CỤC THUẾ TP.HCM (HO CHI MINH CITY TAX DEPARTMENT)**

Cung cấp ống thép mạ kẽm, vật tư PCCC (galv. Steel pipe, system of fire)

- **TRỤ SỞ CỤC THUẾ QUẬN TÂN PHÚ (TAX OFFICE OF TAN PHU DISTRICT)**

Cung cấp ống thép mạ kẽm, vật tư PCCC (galv. Steel pipe, system of fire)

- **TÒA NHÀ HƯNG PHÁT - SỐ 2 LÊ VĂN LƯƠNG - QUẬN 7 - TP.HCM**

(HUNG PHAT BUILDING)

Cung cấp ống thép và phụ kiện, vật tư PCCC (steel pipe & fittings, system of fire, ect.)

- **NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI PHƯỚC HIỆP - CỬ CHI - TP.HCM**

(PHUOC HIEP WASTEWATER TREATMENT PLANT, CU CHI DISTRICT, HCMC)

Cung cấp thép ống, thép hình U I V H, thép tấm, tôn mạ màu, phụ kiện đường ống...

(Large steel pipe, shape steel U I V H, steel plate, zinc, steel pipe fittings, ect.)

- **KÝ TÚC XÁ ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM (KHU B) - DĨ AN - BÌNH DƯƠNG**

(DORMITORY OF VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY (ZONE B) -

DI AN CITY, BINH DUONG)

Cung cấp hệ thống ống cứu hỏa, vật tư hệ thống PCCC, nước sinh hoạt...

(Steel pipe and fittings used for fire system, ect.)

- **NHÀ MÁY FORMOSA - NHƠN TRẠCH - ĐỒNG NAI**

(FORMOSA FACTORY - NHON TRACH DISTRICT, DONG NAI)

Cung cấp ống thép đúc và phụ kiện, thép tấm, thép hình các loại...

(Seamless steel pipe and fittings, steel plate, shape steel, ect.)

- **CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG CAO TỐC TP.HCM - LONG THÀNH - DẦU GIÂY**

(HIGHWAY PROJECT HO CHI MINH CITY - LONG THANH - DAU GIAY)

Cung cấp ống thép siêu âm và phụ kiện (ultrasonic steel pipe & fittings)

- **CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG DÂY 500KV DUYÊN HẢI - MỎ CÀY**

(500KV DUYEN HAI - MO CAY POWER GRID PROJECT)

Cung cấp ống thép siêu âm và phụ kiện (ultrasonic steel pipe & fittings)

- **NHÀ MÁY TÔN NAM KIM - BÌNH DƯƠNG (NAM KIM STEEL SHEET FACTORY - BINH DUONG)**

Cung cấp ống thép đúc, ống thép cỡ lớn, thép tấm, thép hình các loại...

(Seamless steel pipe, large steel pipe, steel plate, shape steel, ect.)

- **TUYẾN METRO SỐ 1 BẾN THÀNH - SUỐI TIỀN (METRO LINE 1 BEN THANH - SUOI TIEN)**

Cung cấp ống thép siêu âm và phụ kiện (ultrasonic steel pipe & fittings)

- **DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN BOT VÂN PHONG 1**

(VAN PHONG 1 BOT THERMAL POWER PLANT PROJECT)

Cung cấp các vật tư ống thép, mặt bích, van, co, tê nối ống, ...

(Supply of steel pipes, flanges, valve, elbow, tee, ...)

- **DỰ ÁN XÂY DỰNG MỚI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỦ ĐỨC**

(THE NEW CONSTRUCTION PROJECT OF THU DUC AREA GENERAL HOSPITAL)

Cung cấp ống thép mạ kẽm: DN25 ~ DN300, sản phẩm van công nghiệp, các thiết bị PCCC chuyên dụng, các phụ kiện nối ống thép

(Supply galvanized steel pipe: DN25 ~ DN300, industrial valves, Fire Safety Equipment, steel pipe fittings)

CÁC DỰ ÁN ĐÃ CUNG CẤP VẬT TƯ

PROJECTS THAT HAVE PROVIDED MATERIALS

• **NHÀ MÁY THUỐC LÁ KHATOCO KHÁNH HOÀ (CỤM CÔNG NGHIỆP TRẢNG É 1)**
(KHATOCO KHANH HOA TOBACCO FACTORY (TRANG E INDUSTRIAL CLUSTER 1))

Cung cấp ống thép chữa cháy, van chữa cháy, vật tư PCCC, ...

(Supply fire-fighting steel pipes, fire valves, and fire protection materials, ...)

• **NHÀ MÁY SẢN XUẤT SP NHỰA NINGBO CHANGYA (VN) GĐ 3 (KCN THÀNH THÀNH CÔNG, TRẢNG BÀNG, TÂY NINH)**

(NINGBO CHANGYA PLASTIC PRODUCTS FACTORY (VN) STAGE 3 (THANH CONG INDUSTRIAL PARK, TRANG BANG, TAY NINH))

Cung cấp ống thép chữa cháy, van chữa cháy, vật tư PCCC, ...

(Supply fire-fighting steel pipes, fire valves, and fire protection materials, ...)

• **GÓI THẦU XL-05 THI CÔNG XÂY DỰNG ĐOẠN KM180 - KM200 THUỘC DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI GIAO THÔNG KV TÂY NGUYÊN, TỈNH GIA LAI**

(PACKAGE XL-05 FOR CONSTRUCTION OF THE KM180 - KM200 SECTION OF THE PROJECT TO ENHANCE TRAFFIC CONNECTION IN THE CENTRAL HIGHLANDS, GIA LAI PROVINCE)

Cung cấp ống thép chữa cháy, van chữa cháy, vật tư PCCC, ...

(Supply fire-fighting steel pipes, fire valves, and fire protection materials, ...)

• **NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC TỈNH SVAY RIENG - CAMBODIA**

(SVAY RIENG PROVINCE WATER TREATMENT PLANT - CAMBODIA)

Cung ứng vật tư Van công nghiệp, ống thép mạ kẽm nhúng nóng, ống inox, ...

(Supply all kinds of industrial valves, hot-dip galvanized steel pipes, stainless steel pipes,...)

• **DỰ ÁN SÂN VẬN ĐỘNG QUỐC GIA CAMBODIA**

(CAMBODIA NATIONAL STADIUM PROJECT)

Cung cấp vật tư ống hộp, van công nghiệp,....

(Supplying materials for pipe & tube, valves,)

• **DỰ ÁN NHÀ THỜ GIÁO XỨ AN HỘI - NINH KIỀU, CẦN THƠ**

(AN HOI PARISH CHURCH PROJECT - NINH KIEU DISTRICT, CAN THO)

Cung cấp thép hộp mạ kẽm Hòa Phát 40x40x1.4, khối lượng 3033 Kg; thép hộp mạ kẽm Hòa Phát 25x25x1.4, khối lượng 2799 Kg và thép hộp mạ kẽm Hòa Phát 20x20x1.4, khối lượng 1449 Kg.

(Supplying galvanized steel tube Hoa Phat 40x40x1.4, weight 3033 Kg; Hoa Phat galvanized steel tube 25x25x1.4, weight 2799 Kg and Hoa Phat galvanized steel tube 20x20x1.4, weight 1449 Kg).

• **DỰ ÁN NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN VŨNG ÁNG 2 - HÀ TĨNH**

(VUNG ANG 2 THERMAL POWER PLANT PROJECT, HA TINH PROVINCE)

Cung cấp các vật tư ống thép đúc mạ kẽm, mặt bích mạ kẽm, van công nghiệp, co hàn mạ kẽm, tê hàn mạ kẽm, măng sông mạ kẽm nối ống,

(Supplying galvanized steel pipe materials, galvanized flanges, valves, galvanized elbow fittings, galvanized tee, coupling galvanized,)

• **VÀ RẤT NHIỀU CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN LỚN NHỎ TẠI VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

(AND A LOT OF BIG PROJECTS IN VIETNAM AND CAMBODIA)

Thay lời toàn bộ đội ngũ nhân sự công ty, xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới những Quý khách hàng và Đối tác - những người đã yêu mến và tin tưởng Thép Bảo Tín suốt thời gian qua.

On behalf of the entire company staff, we would like to express our sincerest thanks to our customers and partners - Who have loved and trusted Bao Tin Steel all this time.



CÔNG TY TNHH THÉP BẢO TÍN

Bao Tin Steel Co.,Ltd

Trụ sở chính | Headquarters

551/156 Lê Văn Khuông, P. Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM, Hồ Chí Minh City, Việt Nam

551/156 Le Van Khuong, Ward Hiep Thanh, 12 District, Ho Chi Minh city, Viet Nam

Hotline: 093 205 91 76 **Email:** kinhdoanh@thepbaotin.com **Website:** thepbaotin.com

Chi Nhánh Miền Bắc | North Branch

KCN Yên Phong, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

Yen Phong Industrial Park, Dong Phong Commune, Yen Phong District, Bac Ninh Province

Hotline: 0938 784 176 - 0903 321 176 **Email:** mb@thepbaotin.com

Chi Nhánh Cambodia | Cambodia branch

252 National Road 1, Prek Eng, Chbar Ampov, Phnom Penh, Cambodia

Mobile: (+855): 9 6869 6789 - 6869 6789 **Email:** sales@baotinsteel.com

